

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp
Lớp :

STC : 5(75,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phan Thị	Đệp	3572040983	14/09/1992	,00			Nợ HP
2	Bùi Thị Mỹ	Duyên	3673011650	01/09/1994	,00	5,00	3,50	
3	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	3773010738	14/01/1995	3,50	5,50	4,90	
4	Nguyễn Thị Thanh	Hương	3773010741	23/07/1994	,00	,00	,00	CT
5	Nguyễn Thị Bích	Nhi	3773010750	08/07/1993	2,00	,50	1,00	
6	Trần Thị Trà	My	3773010751	11/09/1995	4,50	,50	1,70	
7	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	3773010766	19/11/1995	6,00	6,00	6,00	
8	Trần Thị	Duyên	3773010819	08/08/1995	2,00	2,00	2,00	
9	Nguyễn Thị Bé	Nhi	3773010834	12/05/1994	4,00	4,50	4,40	
10	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	3773010845	10/02/1995	2,00	1,50	1,70	
11	Đỗ Thị Hoàng	Yến	3773010863	08/11/1995	5,50	6,50	6,20	
12	Nguyễn Thị	Trang	3773010867	20/06/1993	2,50	1,50	1,80	
13	Nguyễn Vũ Hoàng	Yến	3773010904	08/01/1995	4,50	2,50	3,10	
14	Lê Thị	Xoan	3773010907	17/01/1995	3,50	4,50	4,20	
15	Nguyễn Thị Thùy	Trang	3773010910	10/12/1995	4,00	2,50	3,00	
16	Cần Thị Quỳnh	Nga	3773010918	21/06/1995	4,00	2,50	3,00	
17	Trần Phương	Nghi	3773010923	31/10/1995	4,50	1,50	2,40	
18	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	3773010924	06/11/1994	5,00	5,30	5,20	
19	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	3773010936	27/07/1995	4,50	4,50	4,50	
20	Lê Thị Ngọc	Huyền	3773010950	17/10/1995	,00	,00	,00	CT
21	Nguyễn Thị	Huệ	3773010956	22/02/1995	5,00	6,50	6,10	
22	Nguyễn Văn	Hiền	3773010963	17/09/1995	,00	,00	,00	CT
23	Lê Trúc	Phương	3773010983	24/03/1994	4,00			
24	Nguyễn Thu	Quỳnh	3773010984	14/08/1994	2,00	4,00	3,40	
25	Cao Thị Phương	Nhi	3773010989	26/11/1995	2,50	,50	1,10	
26	Phan Thị Cẩm	Nhung	3773010992	25/01/1995	2,50	4,00	3,60	
27	Trần	Kiệt	3773010994	12/04/1995	5,00	3,50	4,00	
28	Khương Thị Tú	Trinh	3773010995	23/06/1995	4,50	2,00	2,80	
29	Lê Thị Cẩm	Tiên	3773011002	01/10/1995	6,50	5,00	5,50	
30	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	3773011006	04/05/1994	3,50	3,00	3,20	
31	Kim Thị Bảo	Trân	3773011011	28/09/1994	2,00	4,50	3,80	
32	Nguyễn Ngọc Hồng	Đào	3773011018	23/09/1995	2,00	6,50	5,20	
33	Nguyễn Thị Thanh	Hân	3773011021	20/10/1995	5,50	4,50	4,80	
34	Trần Hối	Tuấn	3773011033	11/04/1994	2,00	3,00	2,70	
35	Huỳnh Bảo	Ngọc	3773011042	24/12/1994	3,50	3,50	3,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Chí	Thành	3773011062	08/10/1995	5,50	4,50	4,80	
37	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh	3773011105	25/01/1995	4,00	3,50	3,70	
38	Phan Thị Huỳnh	Như	3773011174	19/07/1995	2,50	1,50	1,80	
39	Phạm Thị Hải	Giang	3773011218	01/07/1994	4,00	6,30	5,60	
40	Đặng Ngọc Xuân	Duyên	3773011219	29/11/1994	,00	,00	,00	CT
41	Đỗ Thị	Thom	3773011258	01/01/1995	5,00	3,50	4,00	
42	Nguyễn Thị Hồng	Thu	3773011259	25/03/1995	4,50	5,00	4,90	
43	Nguyễn Thị	Tinh	3773011270	30/07/1995	4,50	5,00	4,90	
44	Trần Thị Trúc	Linh	3773011271	12/09/1995	4,50	4,00	4,20	
45	Huỳnh Mỹ	Hương	3773011291	10/05/1995	2,00	1,00	1,30	
46	Phạm Thị Kim	Anh	3773011292	08/04/1995	,00			
47	Vũ Hòa	Thuận	3773011330	22/05/1995	2,50			
48	Nguyễn Thị Yến	Nhi	3773011362	16/02/1995	3,50			
49	Trần Thị Cẩm	Giang	3773011368	06/01/1995	5,00	4,50	4,70	
50	Nguyễn Thị Khánh	Duy	3773011387	26/02/1994	2,50	4,00	3,60	
51	Trần Thị Kiều	Trúc	3773011390	15/11/1995	3,00	4,00	3,70	
52	Nguyễn Anh	Luân	3773011412	05/10/1994	5,00			
53	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	3773011418	18/03/1994	2,50	1,50	1,80	
54	Nguyễn Thị Thu	Vân	3773011434	13/05/1995	4,00	7,30	6,30	
55	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	3773011436	21/10/1994	3,00			
56	Đặng Thị Cẩm	Nhung	3773011441	06/08/1995	,00			
57	Trần Phạm Yến	Nhi	3773011447	07/04/1994	,00	1,00	,70	
58	Trần Thị	Thúy	3773011455	15/10/1995	4,00	4,00	4,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)